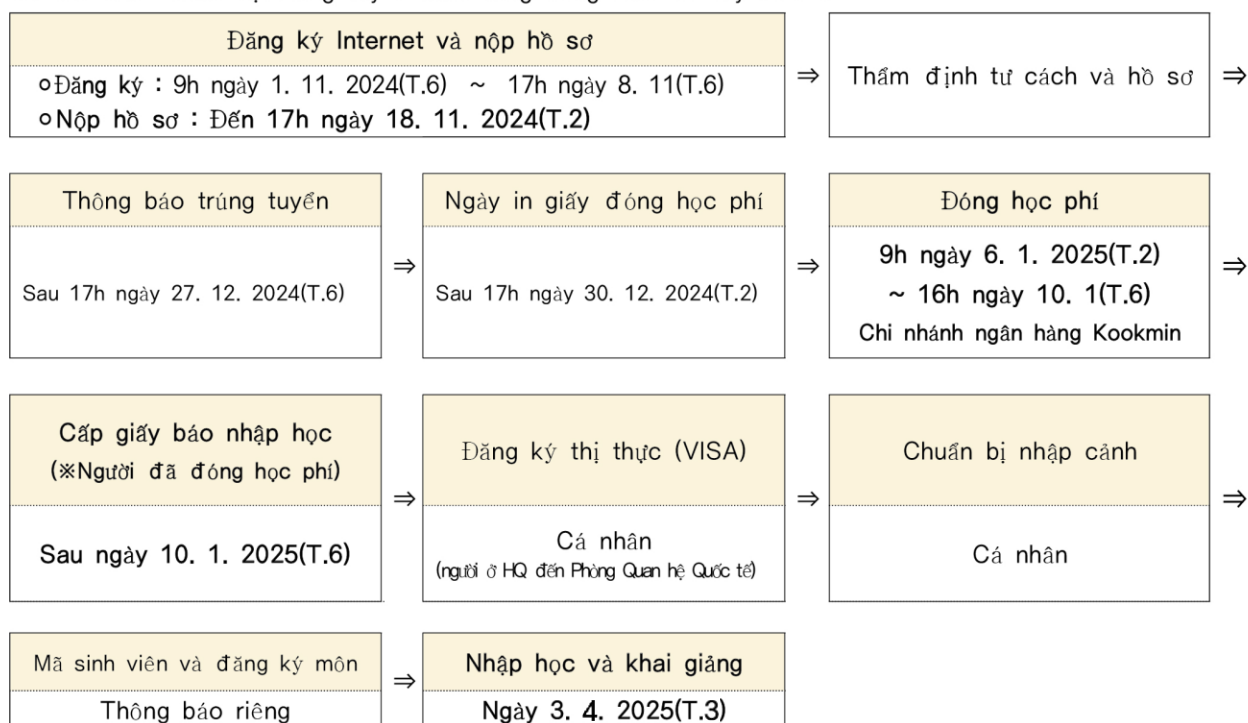


Học kỳ 1 năm học 2025

THÔNG TIN TUYỂN SINH HỆ CHÍNH QUY

[Người nước ngoài có bố mẹ là người nước ngoài]

※ Thông tin tuyển sinh được viết bằng tiếng Việt, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Hàn. Nếu có sự khác biệt có thể tham khảo nội dung tuyển sinh bằng tiếng Hàn để lấy chuẩn.



I. Khoa và chỉ tiêu tuyển sinh

Đại học	Khoa tuyển sinh	Tuyển sinh	Ghi chú
Đại học văn khoa	Khoa Sáng tác·Văn học quốc ngữ	<input type="radio"/>	Vượt chỉ tiêu tuyển sinh sẽ xét năng lực toán
	Khoa Anh ngữ	<input type="radio"/>	
	Khoa Nội dung tiếng Anh ứng dụng	<input type="radio"/>	
	Chuyên ngành Tiếng Nhật	<input type="radio"/>	
	Chuyên ngành Tiếng Pháp	<input type="radio"/>	
	Khoa thông tin văn hiến	<input type="radio"/>	
	Khoa sử học	<input type="radio"/>	
	Khoa cơ đốc giáo	<input type="radio"/>	
Đại học kỹ thuật	Khoa kỹ thuật thông tin truyền thông	<input type="radio"/>	
	Khoa kỹ thuật điện tử điện	<input type="radio"/>	
	Khoa kỹ thuật đa phương tiện	<input type="radio"/>	
	Khoa kiến trúc (5 năm)	<input type="radio"/>	
	Chuyên ngành kỹ thuật kiến trúc	<input type="radio"/>	
	Chuyên ngành kỹ thuật môi trường công trình	<input type="radio"/>	
	Khoa kỹ thuật cơ khí	<input type="radio"/>	
	Khoa kỹ thuật hóa học	<input type="radio"/>	
	Khoa kỹ thuật vật liệu mới	<input type="radio"/>	
Đại học tích hợp thông minh	Khoa kỹ thuật máy tính	<input type="radio"/>	
	Khoa kỹ thuật quản lý công nghiệp	<input type="radio"/>	
	Khoa tích hợp AI	<input type="radio"/>	
	Khoa toán	<input type="radio"/>	
	Khoa ứng dụng Big Data	<input type="radio"/>	
Đại học kinh tế	Khoa kinh doanh	<input type="radio"/>	
	Khoa kế toán	<input type="radio"/>	
	Khoa thương mại phân phối	<input type="radio"/>	
	Khoa kinh tế học	<input type="radio"/>	
	Khoa thương mại kinh tế Trung Quốc	<input type="radio"/>	
	Khoa kinh doanh hàng không khách sạn	<input type="radio"/>	
	Khoa thông tin kinh doanh	<input type="radio"/>	

Đại học	Khoa tuyển sinh		Tuyển sinh	Ghi chú
Đại học khoa học xã hội	Khoa luật	Chuyên ngành luật	○	
		Chuyên ngành luật tư pháp		
	Khoa hành chính		○	
	Khoa cảnh sát		○	
	Khoa ngôn luận·chính trị		○	
	Khoa phúc lợi xã hội		○	
	Khoa phúc lợi trẻ em		○	
	Khoa tâm lý tư vấn		○	
Khoa doanh nghiệp kinh tế xã hội		○		
Đại học khoa học nano·đời sống	Khoa khoa học hệ thống đời sống		○	Vượt chỉ tiêu tuyển sinh sẽ xét năng lực toán
	Khoa dinh dưỡng thực phẩm		○	
	Khoa hoá học		○	
	Khoa khoa học thể thao		○	
	Khoa công nghệ dược phẩm sinh học		○	
Trường toàn cầu Lindon	Trường toàn cầu Lindon	Ngành kinh doanh toàn cầu	○	
		Ngành văn hóa·truyền thông		
Đại học công nghệ thiết kế & nghệ thuật	Khoa thiết kế tích hợp		○	
	Khoa hội họa		○	
	Khoa thiết kế thời trang		○	
	Khoa hình ảnh truyền thông		○	
Đại học tích hợp·giáo dục Talmage	Khoa chuyên ngành tự do		○	

- Đối với đại học sư phạm(6 khoa), khoa y tá không tiếp nhận đơn đăng ký.
- Theo quy định Hệ chính quy/ Hệ liên thông, được nhận 50% chỉ tiêu, trường hợp theo mong muốn của khoa(ngành) cũng có thể tiếp nhận 100% chỉ tiêu. (Căn cứ khoản 1 điều 61 quy định của trường)
- Có thể bị từ chối với trường hợp chưa đạt trình độ học vấn theo yêu cầu tuyển sinh của trường.

II. Điều kiện đăng ký

Tư cách đăng ký

- o Người nước ngoài có bố mẹ là người nước ngoài
 - Là người tốt nghiệp(bằng tạm thời) trường THPT trong · ngoài Hàn Quốc có bố · mẹ đều là người nước ngoài

Tư cách đăng ký và Tiêu chuẩn chứng nhận chương trình học

- o Không công nhận đối với trường hợp năm học(học kỳ) bị trùng
(Tuy nhiên, việc bị trùng học lực chỉ được công nhận trong trường hợp học liên tục)
- o Không công nhận trong quá trình Tiểu · Trung học · Phổ thông với chứng nhận Cyber, Home schooling, kỳ thi kiểm định
- o Tiêu chuẩn đánh giá người hoàn thành khóa học 12 năm ở nước ngoài
 - Công nhận đối với trường hợp học tại nước ngoài Tiểu học lớp 1~6, Trung học cơ sở lớp 7~9, Trung học phổ thông lớp 10~12(13) [Luật thi hành giáo dục Tiểu · Trung học điều 98(công nhận học lực đồng đăng với người tốt nghiệp Trung học phổ thông) mục 1 số 9]
(Với mục đích đào tạo ngoại ngữ, mẫu giáo không được tính là chương trình đào tạo chính quy)
 - Trường hợp hoàn thành đồng nhất chương trình Tiểu · Trung học · Phổ thông ở nước ngoài, mặc dù thời gian chưa đủ 12 năm nhưng vẫn được công nhận là người hoàn thành khóa học 12 năm ở nước ngoài.
 - Trường hợp hoàn thành toàn bộ chương trình Tiểu · Trung học · Phổ thông trên 2 trường khác thì phải hoàn thành trên 12 năm theo hệ thống năm học của Hàn Quốc (chỉ với thời gian hoàn thành chương trình giáo dục trường học thiếu do chế độ năm học, được công nhận là hoàn thành chương trình trung học phổ thông)
 - Nếu hoàn thành chương trình Tiểu · Trung học · Phổ thông ở nước ngoài, sẽ được công nhận đã hoàn thành toàn bộ chương trình học ngay cả khi tạm thời ở lại Hàn Quốc trong kỳ nghỉ, trường học ở nước ngoài hoặc ngày lễ do quốc gia quy định.
- o Chỉ trường hợp ngoại lệ sau được công nhận
 - Trường hợp thiếu 1 học kì (6 tháng) trong tổng số thời gian học do bắt buộc vì sự khác nhau ở các nước người hoàn thành chương trình giáo dục Tiểu · Trung học · Phổ thông trên 12 năm tại 2 nước khác nhau, trong quá trình Trước · Liên thông quá trình trên 2 nước
 - Trường hợp thiếu do tốt nghiệp sớm hoặc học vượt lớp trong quá trình 12 năm Tiểu · Trung học · Phổ thông được chấp thuận chế độ tốt nghiệp sớm hoặc vượt lớp theo pháp lệnh quan hệ giáo dục của nước sở tại (không công nhận vượt lớp trong thời kỳ Trước · Liên thông)
- o Người đăng ký đủ điều kiện nộp đơn dựa trên việc xem xét học kỳ và năm học ở nước sở tại
- o Theo 「Luật quốc tế Điều 11-2 (Tình trạng pháp lý người mang nhiều quốc tịch), sẽ được xét là người Hàn Quốc
- o Với trường hợp khác quy định ở trên, “Hội đồng thẩm định người nước ngoài” của trường sẽ xem xét hệ thống học tập nước ngoài và hệ thống học tập Hàn Quốc và phán đoán.

III. Phương pháp tuyển chọn

Phương pháp đánh giá và yếu tố tuyển chọn

Loại hình	Tỷ lệ đánh giá yếu tố tuyển chọn	Ghi chú
Người nước ngoài có bố mẹ là người nước ngoài	Lựa chọn hồ sơ 100%	· Trường hợp người đăng ký Trường toàn cầu Lindon chưa đạt điểm chứng nhận ngôn ngữ thông qua phỏng vấn đánh giá năng lực tiếng Anh

- Nguyên tắc xét ứng viên đồng điểm
 - Thứ tự 1 : Điểm toàn phần của trường cuối cùng - Thứ tự 2 : Điểm của học kỳ cuối của trường cuối cùng
- Phải nộp toàn bộ hồ sơ ghi trong Thông tin tuyển sinh và phải xác nhận việc hồ sơ đã được tiếp nhận chưa.
- Nếu không nộp đủ các hồ sơ còn thiếu theo thời gian quy định, sẽ xử lý không đạt yêu cầu.
- Khi cần đánh giá Hội đồng tuyển sinh người nước ngoài của trường có thể tiến hành đánh giá năng lực toán.

IV. Lịch trình tuyển sinh

Phân loại	Thời gian	Ghi chú
Đăng ký Internet và nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> • Đăng ký : 9h ngày 1. 11. 2024(T.6) ~ 17h ngày 8. 11(T.6) • Nộp hồ sơ : Đến 17h ngày 18. 11. 2024(T.2) 	<ul style="list-style-type: none"> · Đăng ký trên Internet (không tiếp nhận đăng ký tại văn phòng) - Trang nhập học của trường (http://ibsi.hnu.kr) · Nộp hồ sơ : Phòng nhập học(có thể gửi qua bưu điện)
Thông báo trúng tuyển	Sau 17h ngày 27. 12. 2024(T.6)	· Thông báo trang nhập học của trường (http://ibsi.hnu.kr)
Nhận giấy đóng học phí	Sau 17h ngày 30. 12. 2024(T.2)	· Liên lạc Phòng Quan hệ Quốc tế hoặc Phòng nhập học của trường
Đóng học phí	9h ngày 6. 1. 2025(T.2) ~ 16h ngày 10. 1(T.6)	· Chi nhánh ngân hàng Kookmin KB
Cấp giấy báo nhập học	Sau ngày 10. 1. 2025(T.6)	· Ứng viên cần nhận Visa du học (Cấp sau khi xác nhận việc đóng học phí)

V. Hồ sơ đăng ký

STT	Danh mục hồ sơ												
1	Đơn đăng ký (điền trực tiếp khi đăng ký Internet)												
2	Giấy chấp thuận (theo mẫu của trường)												
3	Quá trình học tập (theo mẫu của trường)												
4-1	Bản gốc bằng tốt nghiệp cấp 3 (bằng tạm thời)	① Trường hợp giấy tờ không bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải nộp bản dịch có công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Chỉ với người hoàn thành khóa học tiếng Hàn chính quy tại Viện tiếng Hàn của trường hoặc tốt nghiệp trường có ký kết sẽ được công nhận bản dịch đính kèm Xác nhận người dịch (mẫu trong thông tin tuyển sinh) do Phòng Quan hệ Quốc tế hoặc Viện tiếng Hàn cấp. ② Đối với bằng tốt nghiệp(bằng tạm thời) và học bạ cấp 3 thì phải kèm thêm một trong các xác nhận sau: - Xác nhận Apostille của cơ quan chính phủ tại nước sở tại - Xác nhận lãnh sự của cơ quan Hàn Quốc thuộc nước sở tại - Xác nhận lãnh sự của cơ quan quốc gia có tại Hàn Quốc (Bộ Giáo dục Hàn Quốc công nhận là trường Hàn Quốc ở nước ngoài không cần nộp) - Bản gốc 'Chứng nhận học lực'(tiếng Anh)(chứng chỉ cao nhất của người Trung Quốc) ③ Khi cần xác nhận học lực của ứng viên có thể yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ cấp 1 và cấp 2 (bằng tốt nghiệp, học bạ) - Với trường hợp được nhận yêu cầu từ Phòng nhập học của trường											
4-2	Bản gốc học bạ cấp 3												
5	Bản gốc giấy chứng thực xuất nhập cảnh (trường hợp chưa nhập cảnh đến Hàn không cần nộp)												
6	Bản sao hộ chiếu												
7	Bản sao chứng minh người nước ngoài tại Hàn Quốc (chỉ trường hợp đang lưu trú tại Hàn Quốc)												
8	Bản gốc chứng chỉ ngoại ngữ [nộp chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với (chuyên ngành) khoa dưới đây]												
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Phân loại</th> <th colspan="2">Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trường toàn cầu London Đối với ứng viên sinh ra tại nước không sử dụng tiếng Anh</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> TOEIC 850 TOEFL IBT 80 IELTS 5.5 NEW TEPS 385 </td> <td> Chọn 1 Trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể được thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Internet) </td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Khoa (ngành) khác với Trường toàn cầu London</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> Chứng chỉ tiếng Hàn(TOPIK) cấp 3 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp Chứng chỉ tiếng Hàn Internet(TOPIK IBT) cấp 3 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp Chứng nhận tiếng Hàn(tương ứng TOPIK cấp 3) do Viện tiếng Hàn-Hannam cấp Chứng nhận hoàn thành khóa học lớp 3 trở lên do Viện tiếng Hàn-Hannam cấp </td> <td> Chọn 1 </td> </tr> <tr> <td> <ul style="list-style-type: none"> Chứng chỉ tiếng Hàn(TOPIK) cấp 2 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp [Trong 1 năm sau khi nhập học phải hoàn thành Chương trình tiếng Hàn 300 tiếng tại Viện tiếng Hàn-Hannam] </td> <td> [Chỉ ứng viên đang theo học trên 3 năm tại các trường Tiểu·Trung học ở Hàn Quốc(ngoại trừ trường người ngoại quốc, trường quốc tế) phải nộp Sổ ghi nhận sinh hoạt của trường Tiểu·Trung học thay cho chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK/TOPIK IBT)] </td> </tr> </tbody> </table>	Phân loại	Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ		Trường toàn cầu London Đối với ứng viên sinh ra tại nước không sử dụng tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"> TOEIC 850 TOEFL IBT 80 IELTS 5.5 NEW TEPS 385 	Chọn 1 Trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể được thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Internet)	Khoa (ngành) khác với Trường toàn cầu London	<ul style="list-style-type: none"> Chứng chỉ tiếng Hàn(TOPIK) cấp 3 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp Chứng chỉ tiếng Hàn Internet(TOPIK IBT) cấp 3 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp Chứng nhận tiếng Hàn(tương ứng TOPIK cấp 3) do Viện tiếng Hàn-Hannam cấp Chứng nhận hoàn thành khóa học lớp 3 trở lên do Viện tiếng Hàn-Hannam cấp 	Chọn 1	<ul style="list-style-type: none"> Chứng chỉ tiếng Hàn(TOPIK) cấp 2 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp [Trong 1 năm sau khi nhập học phải hoàn thành Chương trình tiếng Hàn 300 tiếng tại Viện tiếng Hàn-Hannam]	[Chỉ ứng viên đang theo học trên 3 năm tại các trường Tiểu·Trung học ở Hàn Quốc(ngoại trừ trường người ngoại quốc, trường quốc tế) phải nộp Sổ ghi nhận sinh hoạt của trường Tiểu·Trung học thay cho chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK/TOPIK IBT)]	
Phân loại	Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ												
Trường toàn cầu London Đối với ứng viên sinh ra tại nước không sử dụng tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"> TOEIC 850 TOEFL IBT 80 IELTS 5.5 NEW TEPS 385 	Chọn 1 Trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể được thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Internet)											
Khoa (ngành) khác với Trường toàn cầu London	<ul style="list-style-type: none"> Chứng chỉ tiếng Hàn(TOPIK) cấp 3 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp Chứng chỉ tiếng Hàn Internet(TOPIK IBT) cấp 3 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp Chứng nhận tiếng Hàn(tương ứng TOPIK cấp 3) do Viện tiếng Hàn-Hannam cấp Chứng nhận hoàn thành khóa học lớp 3 trở lên do Viện tiếng Hàn-Hannam cấp 	Chọn 1											
	<ul style="list-style-type: none"> Chứng chỉ tiếng Hàn(TOPIK) cấp 2 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp [Trong 1 năm sau khi nhập học phải hoàn thành Chương trình tiếng Hàn 300 tiếng tại Viện tiếng Hàn-Hannam]	[Chỉ ứng viên đang theo học trên 3 năm tại các trường Tiểu·Trung học ở Hàn Quốc(ngoại trừ trường người ngoại quốc, trường quốc tế) phải nộp Sổ ghi nhận sinh hoạt của trường Tiểu·Trung học thay cho chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK/TOPIK IBT)]											
	※ Có thể phỏng vấn (Pass/Fail) để đánh giá năng lực toán học của toàn bộ ứng viên												
9	※ Chỉ công nhận thành tích hợp lệ đến thời hạn nộp hồ sơ Giấy chứng nhận được cơ quan chính phủ nước sở tại ban hành tương đương Chứng nhận quan hệ gia đình (bao gồm nội dung quan hệ và quốc tịch của ứng viên, bố, mẹ) - Giấy khai sinh (hoặc Chứng nhận quan hệ gia đình), bản sao chứng minh thư (bao gồm cả bố mẹ) (Người Trung Quốc nộp Bản sao hộ khẩu với trường hợp (bao gồm toàn gia đình), bản sao chứng minh thư (bao gồm cả bố mẹ), nếu tách khẩu không cùng bố mẹ phải nộp Giấy chứng nhận qua hệ gia đình (Chứng nhận quan hệ ruột thịt) ※ Trường hợp bố mẹ ly hôn hoặc tử vong phải nộp giấy xác nhận liên quan. ※ Trường hợp giấy tờ không bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải nộp bản dịch có công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Chỉ với người hoàn thành khóa học tiếng Hàn chính quy tại Viện tiếng Hàn-Hannam sẽ được công nhận bản dịch đính kèm Xác nhận người dịch (mẫu trong thông tin tuyển sinh) do Phòng Quan hệ Quốc tế hoặc Viện tiếng Hàn cấp.												
▣	Trường hợp trúng tuyển, sau khi đóng học phí trong quá trình cấp thị thực Visa nộp bản gốc giấy xác nhận số dư ngân hàng sau tháng 1 năm 2025 (đứng tên bản thân hoặc tên bố mẹ; trên USD 18.000)												

VI. Hạng mục khác liên quan việc nộp hồ sơ

- Ngoài những hồ sơ bên trên, có thể yêu cầu nộp thêm các hồ sơ liên quan đến xác nhận bằng cấp.
- Trường hợp đạt học vấn cuối cùng tại Trung Quốc, giấy chứng nhận học lực có thể đăng kí tại trang <http://www.cdgd.edu.cn/> hoặc <https://www.chsi.com.cn/>
- Với các giấy chứng nhận tốt nghiệp trường ngoại quốc, học bạ thì phải ghi rõ số điện thoại liên lạc, số fax, địa chỉ tiếng Anh của trường.
- Thời hạn đến cuối tháng 9 năm 2024, ứng viên phải nộp bằng tốt nghiệp cấp 3 ở nước ngoài(hoặc đại học) (bao gồm xác nhận lãnh sự và Apostille) cho phòng nhập học của trường. Trường hợp không nộp đúng thời hạn quy định việc nhập học sẽ bị hủy và không hoàn lại tiền học phí đã đóng(bao gồm phí nhập học).
- Nộp hồ sơ : (34430) Phòng nhập học Đại học Hannam, 70 Hannamro (Ojeong-dong), quận Daedeok, Daejeon.
- Thắc mắc : Phòng nhập học trường Đại học Hannam(☎ 042/629-8282, Fax 042/629-7838, <http://ibsi.hnu.kr>)

· Tình trạng ký kết hiệp định (Apostille): Theo chuẩn 5. 6. 2024 (nguồn : Bộ ngoại giao, <http://www.0404.go.kr>)

Khu vực	Quốc gia/Khu vực
Châu Á, Châu Đại Dương	New Zealand, Niue, Quần đảo Marshall, Mauritius, Mông Cổ, Vanuatu, Brunei, Samoa, Singapore, Australia (Úc), Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Trung Quốc (bao gồm Macao, Hồng Kông), Quần Đảo Cook, Tajikistan, Tonga, Pakistani, Palau, Fiji, Phi-líp-pin, Hàn Quốc
Châu Âu	Hy Lạp, Hà Lan, Na Uy, Đan Mạch, Đức, Latvia, Nga, Rumani, Lít-xăm-bua, Lithuania, Liechtenstein, Bắc Macedonia, Monaco, Montenegro, Môn-đô-va, Malta, Vương quốc Bỉ, Bê-la-rút, Bosnia Herzegovina, Bun-ga-ri, San Marino, Xéc-bi-a, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Slovakia, Slovenia, Ác-mê-ni-a, Iceland, Ireland, Azerbaijan, Andorra, Albania, Estonia, Vương quốc Anh, Áo, Uzbekistan, Ukraina, Italia, Georgia, Cộng hòa Séc, Kazakhstan, Kosovo, Croatia, Kirchistan, Cyprus, Turkiye, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Pháp, Phần Lan, Hungary
Bắc Mỹ	Mỹ (Bao gồm Guam, Quần đảo Maury, Saipan, Puerto Rico), Canada
Trung Nam Mỹ	Guyana, Guatemala, Granada, Nicaragua, Cộng hòa Dominica, Liên bang Dominica, Mexico, Barbados, Bahamas, Venezuela, Belize, Bolivia, Brazil, St. Lucia, Saint Vincent, Saint Kitts và Nevis, Suriname, Argentina, Antigua và Barbuda, Ecuador, El Salvador, Honduras, Uruguay, Chile, Costa Rica, Cô-lôm-bi-a, Trinidad And Tobago, Panama, Pê-ru, Paraguay, Jamaica
Châu Phi	Nam Phi, Botswana, Burundi, Lesotho, Liberia, Namibia, Sao Tome và Principe, Neol, Seychelles, Eswatini, Cabo Verde, Brundi, Tunisia, Rwanda
Trung Đông, Châu Phi	Maroc, Bahrain, Ả Rập Xê Út, Oman, Israel.

· Trường học Hàn Quốc tại nước ngoài: Theo chuẩn 1. 4. 2022(Nguồn : Bộ giáo dục nước ngoài (du học), <http://www.moe.go.kr>)

Quốc gia/Khu vực	Tên trường
Nhật Bản	Trường Hàn Quốc DongKyeong, Trường Quốc tế Kyoto, Trường Osaka Gumkang, Trường Hàn Quốc Konkook
Trung Quốc	Trường Quốc tế Hàn Quốc Bukgyeong, Trường Hàn Quốc Sanghae, Trường Hàn Quốc Yeonbyeon, Trường Quốc tế Hàn Quốc Chonjin, Trường Hàn Quốc MuSeok, Trường Quốc tế Hàn Quốc Hong Kong, Trường Quốc tế Hàn Quốc DaeRyeon, Trường Quốc tế Hàn Quốc Sonyang, Trường Hàn Quốc ChingtaoCheongun, Trường Hàn Quốc Soju, Trường Hàn Quốc KwangJeou, trường Hàn Quốc Wei Hai, Trường Quốc tế Hàn Quốc Yantai
Đài Loan	Trường Hàn Quốc TaiPei, Trường quốc tế Hàn Quốc Kaosyong
Việt Nam	Trường Quốc tế Hàn Quốc Hồ Chí Minh, Trường Quốc tế Hàn Quốc Hà Nội
Philippin	Trường Quốc tế Hàn Quốc Philippin
Thái Lan	Trường Quốc tế Hàn Quốc Bangkok
Indonesia	Trường Quốc tế Hàn Quốc Jakaruta
Singapore	Trường Quốc tế Hàn Quốc Singapore
Saudi Arabia	Trường Hàn Quốc Jetta, Trường Hàn Quốc Riyadh
Iran	Trường Hàn Quốc Taehaeran
Ả Rập	Trường Hàn Quốc Kairo
Paraguay	Trường Hàn Quốc Paraguay
Argentine	Trường Hàn Quốc Argentine
Malaysia	Trường Quốc tế Hàn Quốc Malaysia
Nga	Trường Hàn Quốc Mosscow
Campuchia	Trường Hàn Quốc Phnom Penh

VII. Những điều ứng viên cần lưu ý

Điều khoản liên quan đến đăng ký

- Ứng viên đỗ nhiều trường nhất định chọn một trường để đóng học phí, trường hợp đóng học phí đồng thời trên 2 trường sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển của tất cả các trường.
- Ứng viên trúng tuyển phải nộp học phí theo ngân hàng nhà trường đã chỉ định trong thời gian quy định, nếu quá thời gian quy định mà ứng viên không nộp học phí coi như ứng viên từ bỏ quyền nhập học.

Điều khoản liên quan đến hồ sơ

- Hồ sơ nộp phải được bản thân nộp theo thời gian quy định, tuy nhiên bất đắc dĩ phải nhờ người khác đến nộp thay (bố mẹ, người thân hoặc người quen) thì người đến nộp cần phải nắm rõ học lực, địa chỉ tạm trú · thời gian lưu trú · tình trạng theo học tại nước ngoài của thí sinh để có thể trả lời được các câu hỏi của người tiếp nhận hồ sơ.
- Nếu tên ghi trong hồ sơ không đúng thì cần phải nộp thêm giấy tờ chứng thực đồng nhất một người được pháp luật nước sở tại chứng nhận.
- Nếu hồ sơ không được ghi bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải được nộp kèm với bản dịch công chứng sang tiếng Hàn hoặc tiếng Anh và gửi kèm bản gốc.
- Ngoài hồ sơ cần nộp có thể yêu cầu bổ sung các hồ sơ khác cần để xác nhận tư cách.
- Mọi giấy tờ phải nộp bản gốc, trường hợp bắt buộc dĩ nộp bản photo thì bản gốc cần phải được đóng “dấu chứng nhận thay thế bản gốc” của cơ quan cung cấp hoặc nơi tiếp nhận hồ sơ.
- Trường hợp kê khai không đúng sự thật thì việc trúng tuyển và nhập học sẽ bị hủy bỏ.
- Trong thời gian tuyển chọn để tiện cho việc liên lạc thì ứng viên phải ghi rõ số điện thoại, địa chỉ, trường hợp thay đổi số liên lạc phải nhanh chóng báo cho Phòng nhập học. Nếu số liên lạc không rõ ràng thì ứng viên sẽ gặp bất lợi và phải chịu trách nhiệm.
- Hồ sơ đã nộp không thể rút lại hoặc thay đổi.
- Đến tháng 3 năm 2025(bao gồm xác nhận lãnh sự và Apostille) ứng viên phải nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp trường cấp 3 tại nước ngoài(hoặc đại học) cho Phòng nhập học. Trường hợp không nộp theo thời gian quy định sẽ bị hủy việc nhập học và không hoàn lại học phí (bao gồm phí nhập học).

Điều khoản liên quan đến tuyển sinh

- Việc thông báo trúng tuyển sẽ không thông báo riêng nên ứng viên phải tự vào trang chủ của trường (<http://ibsi.hnu.kr>) phần hướng dẫn nhập học để xác nhận.
- Nếu không tuân thủ được trình tự và thời gian theo quy định và hồ sơ có thiếu sót thì sẽ bị xử lý không trúng tuyển.
- Trường hợp không tích cực hợp tác trong việc thẩm định học lực sẽ bị xem như học lực có vấn đề và dù đã nhập học rồi cũng có thể bị hủy bỏ.
- Điểm số và đánh giá tuyển sinh sẽ không được công khai.
- Sau khi trúng tuyển nhưng bị cơ quan liên quan từ chối cấp giấy xác nhận hoặc không được cấp Visa nên không thể nhập cảnh thì việc trúng tuyển sẽ bị hủy bỏ.
- Thông tin liên quan đến việc tuyển sinh như trình tự tuyển sinh sẽ được Phòng tuyển sinh của trường xử lý.
- Lệ phí tuyển sinh :

85,000won (bao gồm lệ phí đăng ký hồ sơ 5,000won)

Điều khoản liên quan đến đóng học phí

Sau thời gian thông báo trúng tuyển, ứng viên trúng tuyển nhận thông báo trúng tuyển và giấy đóng học phí từ Phòng Quan hệ Quốc tế hoặc Phòng nhập học của trường, đóng học phí theo thời gian quy định. Thông tin chi tiết liên quan đóng học phí sau 17h ngày 27. 12. 2024(T.6) xin tham khảo tại mục ứng viên trúng tuyển trên trang thông báo.

Lưu ý

- Theo chế độ Bảo hiểm y tế quốc dân (Quy định Bộ y tế và Phúc lợi 16.07.2019), du học sinh người nước ngoài nhập học vào trường phải đăng ký tham gia Bảo hiểm y tế quốc dân, thắc mắc liên quan có thể liên hệ tổng đài Bảo hiểm y tế quốc dân(1577-1000) hoặc Phòng Quan hệ Quốc tế của trường.
- Theo quy định của Phòng Quan hệ Quốc tế (20.06.2023), sinh viên nước ngoài nhập học tại trường Hannam bắt buộc phải tham gia bảo hiểm du học sinh (bảo hiểm y tế thiệt hại), vui lòng liên hệ với Phòng Quan hệ Quốc tế của trường Hannam để biết thêm chi tiết.

Học phí

(đơn vị : won)

Ngành	Học phí	Ghi chú
Nhân văn, xã hội	3,361,060	Giảm học phí cho ứng viên có chứng chỉ ngoại ngữ chính thức - Chi tiết tham khảo 「 Học bổng người nước ngoài 」
Khoa toán	3,900,660	
Khoa học, thể thao	3,918,110	
Kỹ thuật, nghệ thuật	4,294,310	
Toàn cầu	3,833,710	

※ Học phí và chế độ học bổng trên có thể thay đổi

Học bổng Sinh viên ngoại quốc

STT	Phân loại			
1	Sinh viên mới	Tiêu chuẩn chi cấp		Học bổng
		Dựa theo chứng chỉ TOPIK	TOPIK 3, chứng nhận hoàn thành lớp 3 hoặc TOPIK 3 do Viện tiếng Hàn-Hannam cấp	giảm 40% học phí
			Chứng chỉ quốc gia TOPIK 4	giảm 50% học phí
			Chứng chỉ quốc gia từ TOPIK 5 trở lên	giảm 100% học phí
		Trường toàn cầu Lindon	Người chưa đạt TOEFL IBT 71, IELTS 5.5	giảm 40% học phí
			Người đạt TOEFL IBT 71, IELTS 5.5 trở lên	giảm 50% học phí
2	Sinh viên đang theo học	Tiêu chuẩn chi cấp		Học bổng
		Từ TOPIK 4 trở lên (Trường toàn cầu Lindon TOEFL IBT 71 hoặc IELTS 5.5 trở lên)	Điểm trung bình từ 2.50 ~ 3.49	giảm 30% học phí
			Điểm trung bình từ 3.50 ~ 3.99	giảm 50% học phí
			Điểm trung bình từ 4.00 ~ 4.29	giảm 80% học phí
			Điểm trung bình 4.30 trở lên	giảm 100% học phí
		Chưa đạt chứng chỉ ngôn ngữ	Điểm trung bình từ 2.50 ~ 3.49	giảm 15% học phí
			Điểm trung bình từ 3.50 ~ 3.99	giảm 25% học phí
			Điểm trung bình từ 4.00 ~ 4.29	giảm 40% học phí
			Điểm trung bình 4.30 trở lên	giảm 50% học phí

※ Chế độ học bổng có thể thay đổi

[Mẫu 1]

Đại học Hannam

Hệ chính quy Học kỳ 1 năm 2025

Đơn đăng ký nhập học Hệ chính quy Sinh viên ngoại quốc Học kỳ 1 năm 2025
(Application Form for International Students)

Số báo danh	
Hình thức đăng ký	

LEGAL NAME (Họ tên) (As it appears on your passport)	(KOREAN) (Tên tiếng Hàn)	ENGLISH(Tên tiếng Anh)	Ảnh PHOTO (3cm x 4cm)
NATIONALITY (Quốc tịch)	GENDER (Giới tính)	<input type="checkbox"/> MALE(Nam) <input type="checkbox"/> FEMALE(Nữ)	
COUNTRY OF BIRTH (Nơi sinh)	DATE OF BIRTH (Ngày sinh)	YEAR(Năm)/MONTH(tháng)/DAY(ngày)	
PASSPORT NO. (Số hộ chiếu)	RRN / Alien Registration ID NO. (Chứng minh thư/ Số đăng ký người nước ngoài)		

ADMISSION UNIT Khoa(ngành)	COLLEGE (Đại học)	DEPARTMENT(DIVISION) Khoa(ngành)	CODE		
HOUSING PLAN	<input type="checkbox"/> Ký túc xá	<input type="checkbox"/> Khác ()			

HOME ADDRESS (Địa chỉ người đăng ký)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> (POSTAL CODE (Mã số bưu điện))	TELEPHONE (Số điện thoại)	
		MOBILE (Số di động)	
		EMAIL	
EMERGENCY CONTACT (Số liên lạc khẩn cấp)		TELEPHONE (Số điện thoại)	
		MOBILE (Số di động)	

EDUCATIONAL BACKGROUND (Quá trình học tập)			
	NAME (Tên trường)	DATES ATTENDED (Ngày nhập học)	
		From(YY/MM/DD) ~Từ (năm/tháng/ngày)	To(YY/MM/DD) ~Đến (năm/tháng/ngày)
ELEMENTARY SCHOOL (Tiểu học)			
MIDDLE SCHOOL (Trung học cơ sở)			
HIGH SCHOOL (Trung học phổ thông)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> (POSTAL CODE)		
		TELEPHONE (Số điện thoại)	FAX(Số Fax)
			EMAIL

I certify that the information I have provided on this form is true and correct to the best of my knowledge, and I fully understand that any falsifying or concealing of material facts or using of false documents in the submission of this form may result in the cancellation of my admission and degree by Hannam University.
(Tôi cam đoan những điều khai ở trên là đúng và tôi hiểu rằng nếu có bất cứ giả mạo hoặc che giấu sự thật làm sai lệch trong mẫu đơn này thì Đại học Hannam sẽ hủy việc đăng ký của tôi.)

Ngày: _____
 Tên: _____
 Chữ ký: _____

Giấy chấp thuận

Gửi đến trường:

Giấy chấp thuận này để xác nhận rằng tôi đã theo học tại _____^①).

Tôi đã nộp đơn đăng ký vào trường Đại học Hannam tại Daejeon, Hàn Quốc và tôi đồng ý nộp hồ sơ của tôi đến trường khi có yêu cầu chính thức.

Liên quan đến việc này, tôi sẽ hợp tác tích cực với trường Đại học Hannam trong việc cung cấp thông tin với nhà trường để xác nhận sự ghi danh và bảng điểm.

▪ Tên đăng ký tại trường: _____^②

▪ Ngày sinh: (Năm/Tháng/Ngày) _____

▪ Ngày nhập học(chuyển tiếp): (Năm/Tháng/Ngày) _____^③

▪ Ngày tốt nghiệp(rút khỏi): (Năm/Tháng/Ngày) _____^④

Trân trọng,

Ngày: _____

Tên: _____

Chữ ký: _____

① Viết tên trường bạn tốt nghiệp gần đây nhất.

② Viết đầy đủ tên bạn bằng tiếng Anh ①

③ Viết chính xác ngày nhập học(chuyển tiếp) ①

④ Viết chính xác ngày tốt nghiệp(rút khỏi) ①

[Mẫu 3]

※ Chỉ với người hoàn thành khóa học tiếng Hàn chính quy tại Viện tiếng Hàn-Hannam hoặc tốt nghiệp trường kết nghĩa sẽ được công nhận bản dịch đính kèm Xác nhận người dịch (mẫu trong thông tin tuyển sinh) do Phòng Quan hệ Quốc tế hoặc Viện tiếng Hàn trường Hannam cấp.

Xác nhận người dịch(Translator Confirmation)

Giấy xác nhận (Người dịch) Confirmation (Translator)

Thông tin người dịch (Translator Information)			
Quốc tịch(Nationality)	Họ Tên (Name)	Ngày sinh (Date of Birth. YY/MM/DD)	Giới tính (Sex)
Trực thuộc(Division)		Số liên lạc (Contact)	

Thông tin cá nhân người nắm giữ giấy tờ gốc (Original Document Author Information)			
Quốc tịch(Nationality)	Họ Tên (Name)	Ngày sinh (Date of Birth. YY/MM/DD)	Giới tính (Sex)

Các giấy tờ đã dịch (Document Translated)	
--	--

Tôi cam đoan nội dung bản dịch hoàn toàn đúng với nội dung bản gốc và sẵn sàng chịu trách nhiệm pháp luật nếu phát hiện nội dung bản dịch có bất cứ sự sai lệch nào so với thực tế.

(The attached document has been translated accurately and reflects the phrasing of the original.)

I accept full legal responsibility for any discrepancies between this translation and the actual content.)

20 . . .

Người dịch (Translator) :

Kính gửi Hiệu trưởng Đại học Hannam

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (Educational History)

Phân loại đăng ký (Type of Application)		Số đăng ký (Application No.)		Họ Tên (Name)	Tiếng Hàn(Korean)	Tiếng Anh(English)	Quốc tịch (Nationality)	
--	--	---------------------------------	--	------------------	-------------------	--------------------	----------------------------	--

■ Ghi chép thông tin trường (Cao đẳng, THPT, THCS, Tiểu học) (College, High School, Middle School, and Elementary School) * **Viết bằng tiếng Anh**

Tên trường (School Name)	Quốc gia (Country)	Địa chỉ (School address)	Điện thoại (School Phone number)	Trang web (School web-site)	Thời gian theo học (Dates Attended*)		Ban cấp giấy chứng nhận (Name of department issuing certificate)
					~Từ Năm/tháng (From~)YY/MM	~Đến Năm/tháng (To)YY/MM	

- ◇ Thời gian theo học phải được kê khai trong giấy chứng nhận(Dates attended should coincide with dates on proof of enrollment.)
- ◇ Không cần ghi thông tin về trường mẫu giáo(Do not include the periods of the kindergarten.).
- ◇ Trên 15 ngày ghi thành 1 tháng và dưới 15 ngày thì bỏ qua(You can round up the dates of attendance if they exceed 15 days. If less, round down.).

Với việc ký vào đây tôi cam đoan những điều đã khai đều đúng sự thật, và tôi hiểu rằng với bất kỳ sự giả mạo hoặc sử dụng tài liệu sai lệch trong đơn này thì trường Đại học Hannam có thể hủy việc đăng ký của tôi.

(By signing here, I certify that the information I have provided on this form is true and correct to the best of my knowledge, and I fully understand that any falsifying or concealing material facts or using of any false documents in the submission of this form may result in the cancellation of my admission to Hannam University)

Ngày đăng ký(Date of Application): _____

Chữ ký người đăng ký(Applicant's Signature): _____

[Tài liệu tham khảo]

<Bảng chuyển đổi điểm trung bình>

Thang điểm 4.0	Thang điểm 4.3	Thang điểm 4.5	Thang điểm 7.0	Thang điểm 100
3.93~4.00	4.23~4.30	4.42~4.50	6.91~7.00	100
3.86~3.92	4.15~4.22	4.34~4.41	6.81~6.90	99
3.78~3.85	4.06~4.14	4.25~4.33	6.71~6.80	98
3.71~3.77	3.98~4.05	4.16~4.24	6.61~6.70	97
3.63~3.70	3.90~3.97	4.08~4.15	6.51~6.60	96
3.56~3.62	3.82~3.89	3.99~4.07	6.41~6.50	95
3.48~3.55	3.74~3.81	3.90~3.98	6.31~6.40	94
3.41~3.47	3.65~3.73	3.82~3.89	6.21~6.30	93
3.33~3.40	3.57~3.64	3.73~3.81	6.11~6.20	92
3.26~3.32	3.49~3.56	3.64~3.72	6.01~6.10	91
3.18~3.25	3.41~3.48	3.56~3.63	5.91~6.00	90
3.11~3.17	3.33~3.40	3.47~3.55	5.81~5.90	89
3.03~3.10	3.25~3.32	3.39~3.46	5.71~5.80	88
2.96~3.02	3.16~3.24	3.30~3.38	5.61~5.70	87
2.88~2.95	3.08~3.15	3.21~3.29	5.51~5.60	86
2.81~2.87	3.00~3.07	3.13~3.20	5.41~5.50	85
2.73~2.80	2.92~2.99	3.04~3.12	5.31~5.40	84
2.66~2.72	2.84~2.91	2.95~3.03	5.20~5.30	83
2.58~2.65	2.75~2.83	2.87~2.94	5.10~5.19	82
2.51~2.57	2.67~2.74	2.78~2.86	5.00~5.09	81
2.43~2.50	2.59~2.66	2.69~2.77	4.90~4.99	80
2.36~2.42	2.51~2.58	2.61~2.68	4.80~4.89	79
2.28~2.35	2.43~2.50	2.52~2.60	4.70~4.79	78
2.21~2.27	2.34~2.42	2.43~2.51	4.60~4.69	77
2.13~2.20	2.26~2.33	2.35~2.42	4.50~4.59	76
2.06~2.12	2.18~2.25	2.26~2.34	4.40~4.49	75
1.98~2.05	2.10~2.17	2.17~2.25	4.30~4.39	74
1.91~1.97	2.02~2.09	2.09~2.16	4.20~4.29	73
1.83~1.90	1.93~2.01	2.00~2.08	4.10~4.19	72
1.76~1.82	1.85~1.92	1.91~1.99	4.00~4.09	71
1.68~1.75	1.77~1.84	1.83~1.90	3.90~3.99	70
1.61~1.67	1.69~1.76	1.74~1.82	3.80~3.89	69
1.53~1.60	1.61~1.68	1.65~1.73	3.70~3.79	68
1.46~1.52	1.53~1.60	1.57~1.64	3.60~3.69	67
1.38~1.45	1.44~1.52	1.48~1.56	3.50~3.59	66
1.31~1.37	1.36~1.43	1.39~1.47	3.40~3.49	65
1.23~1.30	1.28~1.35	1.31~1.38	3.30~3.39	64
1.16~1.22	1.20~1.27	1.22~1.30	3.20~3.29	63
1.08~1.15	1.12~1.19	1.14~1.21	3.10~3.19	62
1.01~1.07	1.03~1.11	1.05~1.13	3.00~3.09	61
dưới 1.00	dưới 1.02	dưới 1.04	dưới 2.99	60